

TRI THỨC BẢN ĐỊA, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ, TIẾNG THÁI VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Văn Hòa
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN

Abstract

PREFACE

There are lots of races in Vietnam's Northwest. And the largest race is Thai. In 1999, Thai's population was 1.328.725. Thai Den's script was created more than one thousand years ago. There are many rich writings that need to be preserved and developed.

Thai's language and script in Vietnam's northwest:

Thai's language was created since Thai race occurred. In 9th century, they had their own script. In 10th century, Thai Den script was brought to Muong Lo by Tao Xuong and Tao Ngon. In 11th century, Lang Chuong diffused it across the Northwest. Now, it still exists.

In the past, Thai's villages were far from each other. Besides, Thai has two classes – Thai Den and Thai Trang – therefore, there are many alphabets used in that region. During French colonial period and then a prolonged war in Vietnam, Thai's script was not paid attention to.

Development process and loss:

Development: In XI century, it was popular in most Thai's village.

Loss: Not used for long time, Thai's language is now mixed. Many parts of Thai's script have been lost.

Restoration: In 1958, the attempt to restore Thai language failed. From 2007 till now, Thai's culture and economy have been restored and developed.

Guidelines for preserving and developing Thai's language and script to develop areas where Thai people live:

Preserving Thai's language, script is important to preserve and develop culture imbued with national and local economy; together with other races building a wealthy Vietnam nation towards socialism

1. Lời mở đầu

Vùng Tây Bắc nước ta có 21 dân tộc thiểu số phân thuộc 7 nhóm tiếng gồm:

- Nhóm tiếng Thái có 6 dân tộc (*Thái, Giáy, Lào, Lự, Tày, Nùng*)
- Nhóm tiếng HMông – Dao có 2 dân tộc (*HMông, Dao*)
- Nhóm tiếng Ka-Đai có 1 dân tộc (*La hơ*)
- Nhóm tiếng Tạng -Miến có 6 dân tộc (*Hà nhì, Lô lô, La hủ, Si la, Cống, Phù lá*)
- Nhóm tiếng Môn- Khơ me có 4 dân tộc (*Khơ mú, Kháng, Mảng, Xinh mun*)

- Nhóm tiếng Việt-Mường có 1 dân tộc Mường (*không kể Kinh là dân tộc đa số*)
- Nhóm tiếng Hán có 1 dân tộc Hoa (*số ít người di cư từ Trung Quốc dùng chữ Hán*)

Tại vùng bản địa này, người Thái là dân tộc có số dân đông nhất, 1.550.423 người (*theo số liệu điều tra dân số 1-4- 2009*) và cũng là dân tộc có chữ viết lâu đời nhất. Chữ HMông sau giải phóng Tây Bắc, năm 1955 thành lập Khu tự trị Thái – Mèo, cách mạng mới nghiên cứu mà có. Chữ Hán là của người Trung Quốc.

Riêng bộ chữ Thái Đen đã ra đời từ trước đây trên một nghìn năm. Người Thái là dân tộc đã được các triều đại vua chúa của đất nước Việt Nam trao cho quyền cai quản đất đai, đã cùng các dân tộc anh em khác xây dựng một vùng rộng lớn 16 châu Tây Bắc. Chữ Thái được dùng từ thời xưa đã để lại kho tàng tri thức bản địa quý báu bằng các tác phẩm về nhiều lĩnh vực.

2. Tiếng và chữ Thái ở vùng Tây Bắc nước ta.

Dân tộc Thái có tiếng nói riêng, tới khoảng thời gian lịch sử xây dựng vùng Tây Bắc ở thế kỷ thứ IX đến XI các tác phẩm đều viết đầy đủ bằng tiếng Thái hoàn toàn không phải mượn hoặc pha trộn tiếng của dân tộc khác.

Ở thế kỷ thứ IX trong hoàn cảnh đất nước ta thuộc nhà Đường, miền Tây Bắc núi non hiểm trở xa cách miền xuôi, sống tại một vùng hầu như biệt lập, không chịu ảnh hưởng của chữ Hán, chữ Nôm, người Thái đã có chữ riêng, ra đời tại Mường Ôm, Mường Ai. Theo các tài liệu sưu tầm trong đời Tào Lò thì chữ Thái có từ thế kỷ thứ IX, hai anh em Tào Ngọn, Tào Xuông đem đến Mường Lò vào thế kỷ X, sang thế kỷ XI Lạng Chượng phổ biến khắp vùng Tây Bắc. Nhưng theo Fibrô nhà ngôn ngữ học người Pháp nói thì : *“Chữ Thái vùng Tây Bắc Việt Nam đã có từ thế kỷ VI”*. Hồi ấy, hai châu Mường Ôm sau còn gọi mường Tung (*Tùng Lãng*) và Mường Ai sau còn gọi Mường Hoang (*Hoàng Nham*) cùng 4 châu Mường Chúp (*Tuy Phụ*), Mường Mi (*Hợp Phi*), Mường Tiêng (*Lễ Tuyền*), Chiềng Khem (*Khiêm Châu*); cả 6 châu đều là đất vùng Tây Bắc nước Việt Nam. Năm 1884 thực dân Pháp ký hiệp ước Thiên Tân với triều đình Mãn Thanh, đã cắt giao vĩnh viễn vùng đất 6 châu này thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Từ đây vùng Tây Bắc nước ta chỉ còn lại 10 châu mường, người Thái gọi là vùng Xíp Chau.

Thế kỷ thứ X chi người Thái Đen dòng Tào Xuông, Tào Ngon di cư từ Mường Ôm, Mường Ai đã đem chữ Thái phổ biến đến mường Lò (*Nghĩa Lộ, Văn Chấn thuộc Yên Bái ngày nay*). Thế kỷ thứ XI con út của Tào Lò là Lạng Chượng đã đem bộ chữ Thái Đen phổ biến toàn vùng Tây Bắc và tồn tại đến ngày nay.

Dân tộc Thái có 2 ngành Thái Đen và Thái Trắng, nhiều bản mường ở cách xa nhau, thời xưa giao thông trở ngại nên đã có chữ khác nhau đi chút ít thành ra toàn vùng có tất cả đến 8 bộ chữ nhưng bộ chữ Thái Đen được sử dụng rộng rãi hơn cả.

Thực dân Pháp cai trị nước ta ngót 80 năm rồi liên tiếp kháng chiến kéo dài, ta không có điều kiện chăm lo cải tiến, hoàn thiện, thống nhất chữ Thái.

3. Quá trình phát triển và mất mát

a- Phát triển: Thế kỷ thứ XI chữ Thái được phổ biến rộng rãi khắp các mường có dân tộc Thái cư trú. Thời kỳ dựng mường phồn thịnh vào thế kỷ thứ XIV, mường trung tâm của vùng 16 châu Tây Bắc đặt sở lý tại Mường Muối, triều đình nhà Trần đã phong cho Tà Ngon làm Đại Phìa. Thời kỳ này tiếng Thái trở thành tiếng phổ thông vùng, các dân tộc anh em cùng nhau ra sức xây dựng vùng Tây Bắc. Có dân tộc Khơ-mú, Kháng, Xinh- mun ... thạo tiếng Thái và một số người, nhất là các Trưởng Bản đã học chữ Thái dùng trong công việc hành chính của bản mường.

Trong lĩnh vực văn hóa xã hội, dân tộc Thái có tác phẩm “*Hịt bản khoong mương*” Luật tục bản mường, đã viết đầy đủ hơn nói về tập tục sinh sống trong xã hội, con người ta từ lúc sinh ra đến lúc lớn lên, việc hỏi cưới hệ trọng, việc làm ăn sinh sống, lúc ốm đau cho đến tục tang đám khi qua đời. Tục làm nhà và tục cúng bái, các lễ hội đều được viết trong sách. Trong đời nhân sử thế, con người ăn ở tốt với nhau, sinh sống trong xã hội bản mường ai cũng cần phấn đấu trở thành người tốt, tránh mọi thói hư tật xấu, đã có tác phẩm “*Quam xon côn*” Lời khuyên dẫn dân gian. Thậm chí cả sống chăm chỉ, tiết kiệm, tránh tham lam từ của nhỏ không phải do công sức mình làm ra, làm việc công chống tham ô, ra sức xây dựng bản mường giàu mạnh ... đều đã có sách khuyên răn người đời từ rất xa xưa .

Các sách nói về xây dựng kinh tế vùng Tây Bắc, người HMông, Dao có lúa nương gạo tẻ thơm ngon, người Thái có nhiều giống lúa ruộng trồng gạo nếp Khẩu Tan thơm dẻo. Khai khẩn nhiều ruộng trồng lúa nước, mở mang nhiều hệ thống dẫn

thủy nhập điền “*muong phai lai lin*” , giảm bớt làm nương phá rừng, sách đã dạy “*Dệt hay lụa ta bấu to na hau nung*” làm nương bát ngát không bằng ruộng một thửa. Bốn cánh đồng rộng lớn “ *nhất Thanh, nhì Lò, tam Tấn, tứ Than*” đã được lớp tổ tiên người Thái khai phá rừng hoang lập thành bản mường có đồng ruộng bát ngát từ thế kỷ thứ IX. Ngày nay khu đồng rộng Mường Thanh đã trở thành tỉnh Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ. Khu đồng rộng Nhì Lò ngày nay đã trở thành thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn nơi sản gạo trắng nước trong có nhiều cá ngon của tỉnh Yên Bái. Việc chăn nuôi gia súc từ xưa đã phát triển nhiều đại gia súc, trâu bò thường đánh từng đàn đem xuống bán dưới vùng xuôi. Nghề nuôi thả cá ruộng là sở trường của người Thái thu nhiều lợi, thế mà nay bị mất đi. Chăm lo phát triển kinh tế cần có tầm nhìn xa trông rộng, học hỏi những kinh nghiệm làm giàu ở bản mường người về mà xây dựng bản mường mình giàu mạnh, đều đã viết nói trong sách “*Quam xon con*” Lời khuyên răn dân gian từ xa xưa.

Khu vực Tây Bắc nơi tiếp cận với rừng rậm nhiệt đới, á nhiệt đới. Sự giàu có của tài nguyên rừng đã cung cấp đầy đủ cho cuộc sống của dân cư trong vùng. Rừng nhiều do thiên nhiên tạo dựng hình thành từ rất lâu đời trở thành quần thể thực vật và động vật rất phong phú. về chủng loại có đến 100 họ, 500 loại gỗ lớn, 30 loại tre nứa ... Sông suối chảy đều đặn, mưa lũ có mùa, hàng năm mỗi khi nước lũ về, người ta rủ nhau đi đánh cá và vớt củi trôi.

Việc bảo vệ môi trường sinh thái, người Thái đã ghi trong sách cổ có tục cúng thần đầu nguồn nước, giữ gìn rừng thiêng cổ thụ gọi là “*Té phi bó cáp*”, “*Té phi nặm phi ta*” ...

b- Mất mát: Chữ Thái từ sau cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay không dùng trong việc hành chính ở vùng Tây Bắc và trong đời sống văn hóa, xã hội cũng hầu như dùng chữ Việt hoàn toàn nên chữ Thái bị bỏ bằng đi một đoạn 10 năm (1945 – 1955).

Năm 1955 thành lập Khu tự trị Thái Mèo, ba năm sau đó Sở Giáo dục Khu có nghiên cứu cho ra đời bộ chữ Thái cải tiến thống nhất nhưng do trình độ nghiên cứu ngôn ngữ học còn thấp, chủ quan, bỏ mất gốc chữ cổ, không được đại đa số nhân dân đồng tình nên ngày 20-8-1969 Chính phủ đã ra Quyết định số 153/CP tạm hoãn việc dạy học bộ chữ Thái cải tiến để tiếp tục nghiên cứu thêm. Từ đó (1970- 2006) suốt 36 năm chưa có cơ quan nào lo việc phục hồi chữ Thái thành công.

Chữ Thái sản phẩm tri thức của một dân tộc đã tích lũy suốt quá trình trên một nghìn năm xây dựng bản mường vùng Tây Bắc của đất nước, nay bị mất mát kèm theo giảm mất đi nhiều thứ, kể cả thuần phong mỹ tục và kinh nghiệm canh tác ... Một chứng minh đã rõ: Bỏ tục cúng thần đầu nguồn nước “*Tế phi bố cấp*” và cúng thần bến sông suối “*Tế ta*”, bỏ tục giữ gìn rừng thiêng cổ thụ cho là mê tín, phá hết rừng triệt để khai thác gỗ, đã làm nước mủ trong lành cạn kiệt và mùa khô gây nên nạn sông suối cạn thiếu nước sản xuất, khí hậu thay đổi, nóng lạnh khác xưa. Mùa mưa lại thường xảy ra các trận lũ quét, lũ ống, lũ bùn, sạt lở đất, lũ cát sỏi, lũ đá hộc lăn theo từng tảng đá to cuốn trôi cả bản làng, thiệt hại của cải và chết người.

c- **Phục hồi** : Gần đây, từ năm 2007 người Thái phải tự lo bảo tồn chữ Thái. Mạng lưới bảo tồn và phát triển tri thức bản địa của dân tộc Thái được thành lập đặt việc bảo tồn chữ Thái lên hàng đầu. Đã mở hội nghị đại biểu bộ lão và những người thạo chữ Thái cư trú tại 7 tỉnh (*Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An*) đến cùng bàn luận. Hội nghị nghiên cứu, phân tích, đánh giá cả 8 bộ chữ Thái của các mường. Chọn lấy bộ chữ cổ của người Thái Đen làm cơ sở, bổ sung hoàn thiện thành bộ chữ chung của người Thái khắp nơi trong nước gọi là chữ Thái Việt Nam, đồng thời vẫn bảo tồn bộ chữ Thái cổ của các địa phương vẫn còn cần dùng cho việc nghiên cứu sưu tầm lịch sử, tập tục, văn nghệ dân gian của từng nơi.

Trong năm nay (2010) Khoa Ngôn ngữ học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã xuất bản được một tập sách dạy học chữ và một tập sách dạy học tiếng. Trung tâm Nghiên cứu, phát triển các dân tộc thiểu số và Miền núi đang tiếp tục tiến hành triển khai việc dạy học đào tạo cử nhân ngôn ngữ và văn hóa Thái Việt Nam.

4. Phương hướng bảo tồn và phát triển tiếng, chữ dân tộc để xây dựng phát triển bền vững vùng có người Thái nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung.

Từ xưa, việc thống nhất chữ Thái giữa các tỉnh có người Thái cư trú gặp nhiều trở ngại, một lần đã được Chính Phủ cử cán bộ, chuyên gia lên Tây Bắc giúp, tốn nhiều công sức và kinh phí, năm 1958 ra đời được bộ chữ Thái cải tiến, thống nhất nhưng rồi không thành công.

Đến nay tuy gặp nhiều khó khăn nhưng người Thái đã tự lo liệu, nhất trí với nhau xây dựng được bộ chữ dùng chung cho tất cả các nơi gọi là chữ Thái Việt Nam.

Hiện nay, dân tộc Thái đang phấn đấu tranh thủ sự đồng ý ủng hộ bằng văn bản của lãnh đạo và chính quyền 7 tỉnh có người Thái cư trú, lập đủ thủ tục hồ sơ gửi đơn trình lên Thủ tướng Chính Phủ ra nghị định công nhận bộ chữ dân tộc này cho người Thái Việt Nam.

Muốn xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc cần quan tâm bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc gồm cả tiếng nói, chữ viết bởi tri thức dân tộc ở trong đó.

Tây Bắc là một vùng nhiều dân tộc thiểu số nhưng người Thái có số dân đông nhất, nếu người Thái tiến bộ thì cả vùng đều cùng tiến. Gần đây các tỉnh đông người Thái đã có thành phố, dân người Kinh lên nhiều. Nhà nước lo xây dựng Tây Bắc giàu mạnh, sao cho thích hợp với hoàn cảnh của các dân tộc mà người Thái sống nơi vùng thấp. Không mấy ai lên xây dựng các cơ sở khoa học kỹ thuật, công trình kinh tế, văn hóa lớn trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên các đỉnh núi cao nơi dân tộc HMông- Dao hay nơi lưng chừng núi chỗ các dân tộc nhóm Tạng- Miến hoặc nhóm Môn- Khơ me cư trú mà đều xây dựng ở vùng thấp, những nơi đất bằng do tổ tiên người Thái từ xa xưa đã có công khai phá thành những đồng ruộng bát ngát , xây dựng nên các bản mường trù phú, ngày nay trở thành thành phố và các tỉnh có các thị xã nguy nga phồn thịnh.

Tri thức của người Thái từ khi có chữ, trải qua giai đoạn lịch sử trên một nghìn năm xây dựng vùng Tây Bắc đã được ghi lại trong các tác phẩm cổ khá đầy đủ, bảo tồn, phát triển vốn quý ấy là góp chung cho cả đất nước không riêng gì người Thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Quang Học : Nghiên cứu khu vực trong phát triển bền vững. Trang 52 Hội thảo khoa học nghiên cứu và đào tạo về khu vực học, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển , Đại học Quốc gia Hà Nội 01- 2005.
2. Nguyễn Thị Việt Thanh : Nghiên cứu ngôn ngữ trong khu vực học. Trang 95 Hội thảo khoa học nghiên cứu và đào tạo về khu vực học, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội 01- 2005.
3. Cẩm Trọng, Nguyễn Văn Hòa : Khu vực học miền Tây Bắc Việt Nam. Trang 142 Hội thảo khoa học nghiên cứu và đào tạo về khu vực học, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội 01 – 2005.
4. Cẩm Trọng : Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam- NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

5. Cầm Cường : Tìm hiểu văn học dân tộc Thái ở Việt Nam - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

6. Phan Đăng Nhật : Những quan điểm cơ bản và phương pháp cần thiết để khái quát về diện mạo và tiến trình văn học Thái. Trang 173 kỷ yếu Hội thảo Thái học I- NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1992.

7. Cầm Trọng : Người Thái ở Việt Nam – NXB khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

8. Lê Vui : Ngôn ngữ Thái trong giao tiếp xã hội và phát triển kinh tế ở vùng cao biên giới huyện Quan Hóa (*Thanh hóa*). Trang 307 Kỷ yếu Hội thảo Thái học I – NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1992.

9. Vương Toàn : Ngôn ngữ và đời sống ngôn ngữ của dân tộc Tày và Nùng. Trang 137 Kỷ yếu Hội thảo Thái học I – NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1992.

10. Ngô Đức Thịnh , Cầm Trọng : Luật tục Thái ở Việt Nam – NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2003.

11. Chữ Thái ở Việt Nam : Báo cáo của chương trình Thái học Việt Nam thuộc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hóa, Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.